

Bản án số: 95/2021/HS-PT

Ngày 02 - 11 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thái Hùng

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Nguyễn Thành Hiếu.

2. Ông Trần Minh Bắc.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Đặng Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** bà Nghiêm Thị Lan Hương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 127/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo Trần Minh T, Nguyễn Phạm Thanh N do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2021/HS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị cáo kháng cáo:

1. Trần Minh T, sinh năm 1981 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký thường trú: khu phố P1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: làm cửa sắt; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị L, sinh năm 1956; vợ: Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1986, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2021, đến ngày 31/01/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Phạm Thanh N, sinh năm 1982 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi đăng ký thường trú: tổ 01, khu phố P2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị L (đã chết); chồng: Nguyễn Văn M, sinh năm 1972, con: có 01 con sinh năm 2018; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, các bị cáo khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên

Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 10 phút ngày 28/01/2021, tại nhà của Trần Minh T ở tổ 11, khu phố P1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Công an huyện Đ phối hợp cùng Công an thị trấn Đ bắt quả tang T đang cộng số các con số lô, số đề bán trong ngày 28/01/2020 cho khách vào cuốn tập học sinh.

Tang vật thu giữ gồm: 01 cuốn tập học sinh hiệu Bút Cầu (bên trong có 01 trang tờ giấy A4 ghi phôi đề); 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu đồng, có số Imei1: 864212034871695, số Imei2: 864212034871687, bên trong có 02 sim có số thuê bao 0933190528 (số sê ri: 8401200251804960) và số thuê bao 0786971639 (số sê ri: 8401161051094496OT), số tiền 3.870.000 đồng.

Qua điều tra T khai nhận trong ngày 28/01/2021, T dùng điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu đồng, 02 số thuê bao 0933190528 và 0786971639 để nhận tin nhắn ghi số lô, số đề của người chơi gồm: Lê Thị Lệ H (tên thường gọi là Tư; sinh năm: 1960; trú khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu); Võ Duy N2 (sinh năm: 1955; trú khu phố P2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu) và một đối tượng tên Bé (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Sau đó, T dựa vào kết quả xổ số trong ngày của đài miền Bắc và đài miền Nam (đài Tây Ninh) để tính tỷ lệ thắng thua, khi nhận tin nhắn đến T sẽ nhắn tin trả lời “Ok”, tức là T đã đồng ý nhận ghi đề dưới các hình thức sau:

Ghi đầu đuôi 02 số (số đầu đối chiếu giải có hai con số, đuôi đối chiếu với 02 số cuối của giải đặc biệt) thì 1 ăn 70 lần nếu trúng đài miền Nam, 1 ăn 80 lần nếu trúng đài miền Bắc;

Bao lô 02 số đối chiếu với 02 số cuối của tất cả các giải, nếu trúng 1 ăn 70 lần đối với đài miền Nam, 01 ăn 80 lần đối với đài miền Bắc;

Bao lô 03 số đối chiếu với các giải có 03 số trở lên (17 giải đối với đài miền Nam, 22 giải đối với đài miền Bắc), nếu trúng 1 ăn 600 lần;

Xỉu chủ đối chiếu với các giải có 03 con số (giải bảy đài miền Nam và giải sáu đài miền Bắc) và 03 số cuối của giải đặc biệt), nếu trúng 1 ăn 600 lần;

Đá 02 cặp số, người chơi mua 02 cặp số có hai chữ số và đối chiếu với 02 số cuối của tất cả các giải, nếu các giải ra cả 02 cặp số đó thì trúng với tỷ lệ 01 ăn 600 lần. Số tiền người chơi phải trả bằng số tiền cược nhân lên 36 lần đối với đài miền Nam, nhân lên 54 lần đối với đài miền Bắc.

Đá 03 cặp số, người chơi mua 03 cặp số có hai chữ số và đối chiếu với 02 số cuối của tất cả các giải, nếu các giải ra cả 03 cặp số đó thì trúng với tỷ lệ 01 ăn 600 lần. Nếu có một số ra hai lần thì tiền thắng của họ cộng thêm 300 lần mức tiền cược, nếu có một số ra ba lần thì tiền thắng của họ cộng thêm 600 lần mức tiền cược. Số tiền người chơi phải trả bằng số tiền cược nhân lên 108 lần đối với đài miền Nam, nhân lên 162 lần đối với đài miền Bắc.

Do hành vi ghi đề của T, H, N2 trong ngày 28/01/2021 bị Công an bắt quả tang sau khi đài xổ số kiến thiết đài miền Nam (đài Tây Ninh) và đài miền Bắc đã mở

thường nên phải tính số trúng đối với các đối tượng đánh đề.

Để khuyến khích người chơi, T và H cho người chơi tiền hoa hồng nên số tiền thực tế người mua số đề phải trả thấp hơn so với số tiền mua đề. Ngày 28/01/2021, các đối tượng đánh đề cụ thể như sau:

H nhận tin nhắn mua đề của Phạm Thị Ph (sinh năm: 1956; trú khu phố T thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu) đài miền Nam với số tiền 120.000 đồng, trúng đề số tiền 4.200.000 đồng. Như vậy số tiền H và Ph đánh bạc dưới hình thức ghi số đề đài miền Nam là 4.320.000 đồng. Sau khi nhận tiền thắng thua Ph cho H số tiền 200.000 đồng.

H nhận tin nhắn mua đề của Bùi Văn Th (sinh năm: 1954 – là chồng của bà Ph) đài miền Nam với số tiền 900.000 đồng, trúng đề số tiền 2.450.000 đồng. H ghi bán số đề đài miền Bắc cho Th số tiền 810.000 đồng, kết quả Th không trúng đề. Như vậy số tiền H và Th đánh bạc dưới hình thức ghi số đề đài miền Nam là 3.350.000 đồng, miền Bắc là 810.000 đồng.

H nhận tin nhắn mua đề của một người đàn ông tên Bé (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đài miền Nam với số tiền 2.690.000 đồng, trúng đề số tiền 9.800.000 đồng. Như vậy số tiền H và người đàn ông tên Bé đánh bạc dưới hình thức ghi số đề đài miền Nam là 12.490.000 đồng. Sau khi nhận tiền thắng thua Bé cho H số tiền 200.000 đồng.

Ngoài những số lô, số đề H nhận từ người chơi, H còn tự mua số lô, số đề cho mình, sau đó H dùng số thuê bao 0909455607 chuyển tất cả cho Trần Minh T qua số thuê bao 0933190528 đài miền Nam với số tiền 3.970.000 đồng, trúng đề số tiền 18.530.000 đồng; đài miền Bắc số tiền 1.215.000 đồng, trúng đề số tiền 240.000 đồng. Như vậy số tiền T và H đánh bạc dưới hình thức ghi số đề đài miền Nam là 22.500.000 đồng, miền Bắc là 1.455.000 đồng.

Một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) nhờ Nguyễn Phạm Thanh N mua số “09” đầu đuôi số tiền 200.000 đồng, nếu trúng đề người đàn ông sẽ cho N số tiền 200.000 đồng, N đồng ý nhận. Sau đó N nhờ Võ Duy N2 mua lại số “09” đầu đuôi với số tiền 200.000 đồng, nếu trúng đề thì N cho lại ông N2 100.000 đồng, N2 đồng ý. Sau đó, N2 gặp Trần Minh T ghi số lô, số đề đài miền Nam số “09” đầu đuôi số tiền 240.000 đồng và N2 tự mua thêm số số “19” đầu đuôi số tiền 24.000 đồng (do T cho N2 hưởng tiền hoa hồng nên số tiền thực tế N2 đánh 200.000 đồng thành 240.000 đồng, 20.000 đồng thành 24.000 đồng), kết quả N2 trúng số “09” đuôi số tiền 8.400.000 đồng. N và N2 được hưởng lợi mỗi người 100.000 đồng. Như vậy số tiền T và N2 đánh bạc dưới hình thức ghi số đề đài miền Nam là 8.664.000 đồng. Số tiền N ghi đề dùm người đàn ông đài miền Nam là 8.640.000 đồng.

Ngoài ra, T ghi số lô, số đề cho một số người ở ngoài chợ Đ (không biết tên, nhân thân, lai lịch) đài miền Nam với số tiền 13.925.000 đồng, trúng đề số tiền 8.820.000 đồng; đài miền Bắc với số tiền 8.046.000 đồng, trúng đề số tiền 8.880.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T ghi đề cho những người chưa rõ nhân thân, lai lịch đài miền Nam là 22.745.000 đồng, đài miền Bắc là 16.926.000 đồng.

Tổng số tiền Trần Minh T dùng vào việc đánh bạc dưới hình thức ghi số đề với những người nêu trên trong ngày 28/01/2021 là: H (MN: 22.500.000 đồng + MB: 1.455.000 đồng) + N2 (MN: 8.664.000 đồng) + những người chưa rõ nhân thân, lai lịch (MN: 22.745.000 đồng + MB: 16.926.000 đồng) = 72.290.000 đồng (MN:

53.909.000 đồng + MB: 18.381.000 đồng)

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, các đối tượng Trần Minh T, Lê Thị Lệ H, Võ Duy N2 và Nguyễn Phạm Thanh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như vừa nêu trên đồng thời các đối tượng giao nộp số tiền liên quan đến việc đánh đề gồm: Thu giữ của Trần Minh T số tiền 25.622.000 đồng; Thu giữ của H số tiền 2.890.000 đồng; Thu giữ của N2 số tiền 120.000 đồng; Thu giữ của N số tiền 300.000 đồng. Do nghe tin Trần Minh T bị bắt nên H đã vứt sim và điện thoại đi, Công an huyện Đ không thu giữ được.

Trong cùng một ngày nhưng các đài xổ miền Bắc, miền Nam có thời điểm mở thưởng khác nhau nên mỗi lần chơi đề ở 01 đài với một số tiền trên 5.000.000 đồng cần được tính là 01 lần độc lập. Do đó, trong cùng 01 ngày Trần Minh T đánh bạc dưới hình thức ghi số đề ở hai đài miền Bắc và miền Nam được xem là trường hợp phạm tội 02 lần trở lên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 23/6/2021, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định: tuyên bố các bị cáo Trần Minh T, Lê Thị Lệ H, Võ Duy N2, Nguyễn Phạm Thanh N phạm tội “Đánh bạc”; áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 321; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt Trần Minh T 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành hành án nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 28/01/2021 đến ngày 31/01/2021; áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên phạt Nguyễn Phạm Thanh N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Lê Thị Lệ H 12 tháng tù và bị cáo Võ Duy N2 08 tháng tù, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 02/7/2021, bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo hoặc phạt tiền vì lý do bị cáo là lao động chính và bản thân bị tật.

Ngày 05/7/2021, bị cáo Trần Minh T có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt do gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Ngày 01/11/2021, bị cáo Trần Minh T có đơn rút yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xét xử vụ án:

Về tố tụng: trước khi mở phiên tòa, bị cáo Trần Minh T đã có đơn rút yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T. Đối với đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và chủ thể kháng cáo, do đó kháng cáo của bị cáo là hợp lệ.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N về tội “Đánh bạc” là có căn cứ, từ đó tuyên phạt bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N 06 tháng tù là phù hợp với nhân thân, tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng, bị cáo hết sức ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo ở nhà nuôi con và cha mẹ già.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N làm trong thời hạn luật định, phù hợp với qui định của pháp luật về chủ thể kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với yêu cầu rút kháng cáo của bị cáo Trần Minh T là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Minh T.

[2] Về nội dung:

2.1 Về tội danh: lời khai của bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 18 giờ 10 phút ngày 28/01/2021, Trần Minh T bị Công an huyện Đ phối hợp cùng Công an thị trấn Đ bắt quả tang về hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi đề tại nhà qua 02 số thuê bao 0933190528 và 0786971639 với tổng số tiền đánh bạc trái phép là 72.290.000 đồng (đài miền Nam: 53.909.000 đồng; đài miền Bắc: 18.381.000 đồng); Lê Thị Lệ H có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số đề đài miền Nam là 22.500.000 đồng; Võ Duy N2 có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số đề đài miền Nam là 8.664.000 đồng và Nguyễn Phạm Thanh N có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số đề đài miền Nam là 8.640.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Hành vi của bị cáo H, N2, N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo H, N2, N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng

tội và đúng pháp luật.

2.2 Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Bị cáo biết rõ đánh bạc là tệ nạn xã hội pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N chỉ là người trung gian, mua đề dùm 1 người không rõ lai lịch để được hưởng lợi, bị cáo cũng không trực tiếp mua đề mà nhờ bị cáo N2 mua giúp, số tiền bị cáo được hưởng lợi không lớn (100.000 đồng). Mặt khác, hoàn cảnh gia đình của bị cáo neo đơn, bị cáo đã ly hôn chồng và trực tiếp nuôi con nhỏ sinh năm 2018, bị cáo cũng là lao động duy nhất trực tiếp nuôi ông bà nội đều là người có công với cách mạng. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cuộc sống bình thường của xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe đối với bị cáo cũng như thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Minh T.

2. Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm đ Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 31/2021/HS-ST ngày 23/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về phần hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), tuyên phạt bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N (My) 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

2. Bị cáo Nguyễn Phạm Thanh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã

có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh BR – VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR – VT;
- PV 27 – Công an tỉnh BR – VT;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thái Hùng**